

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **96/2021/DS-ST**

Ngày 19/7/2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lý Thuý Hà

2. Anh Hà Hữu Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Kim Tuyền - Thư ký TAND thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyền Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2021/TLST- DS, ngày 12 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST - DS ngày 07 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Phạm M**, sinh năm 1971

ĐKKHKT: Số nhà 30, tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyền Quang; Nơi ở hiện nay: Số nhà 51A, tổ 12, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyền Quang. Vắng mặt.

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Anh Ninh Văn T, sinh năm 1958; Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyền Quang. Có mặt.

* Bị đơn: Anh **Phạm L**, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Tổ 13, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyền Quang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/4/2016, anh Phạm M cho anh Phạm L vay tiền 03 lần, cụ thể từng lần như sau:

- Lần 1: Vay 10.000 USD Mỹ, giá USD lúc vay là 21.725đồng/USD = 217.250.000đồng (Hai trăm mười bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)

- Lần 2: Vay 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng)

- Lần 3: Vay 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng)

Tổng số tiền vay là 1.217.250.000đồng (Một tỷ, hai trăm mười bảy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng)

Do đòi tiền nhiều lần nhưng không được nên anh Phạm M làm đơn khởi kiện, yêu cầu anh Phạm L trả cho anh số tiền nợ gốc là 1.217.250.000đồng (Một tỷ, hai trăm mười bảy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) và lãi suất tính theo lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam kể từ ngày 23/01/2019 đến khi giải quyết xong vụ án.

* Bị đơn anh Phạm L trình bày:

Anh và anh Phạm M là bạn bè thân thiết với nhau, năm 2014 anh M chuyển công tác từ huyện H về thành phố T có cư trú và sinh hoạt tại nhà anh khoảng 01 năm. Anh M có nói với anh về việc anh M có ít tiền nhân đôi muốn đầu tư làm ăn vì lương nhà nước thấp, sau đó anh và anh M cùng xuống huyện H hỏi và cùng đầu tư làm ăn vào bến cảng H. Năm 2015 và năm 2016 anh và anh M đã nhiều lần xuống huyện H xem việc làm ăn để đầu tư kiếm lời. Sau khi xem xét kỹ lưỡng anh và anh M cùng quyết định đầu tư, do anh M là cán bộ nhà nước và là Đảng viên, không có thời gian giám sát quản lý nên anh M có đề xuất giao tiền cho anh là người làm ngoài nhà nước trực tiếp quản lý: Nếu lợi nhuận thu được thì chia đôi mỗi người 50%, nếu thua lỗ thì khoản đầu tư mỗi người chịu 50%. Khi quyết định đầu tư, anh M góp vốn 3 lần, lần 01 là 10.000 USD; lần 2 là 500.000.000đồng; lần 3 là 500.000.000đồng. Khoảng giữa năm 2016 anh M có yêu cầu anh viết giấy vay tiền đối với khoản vốn góp để về đưa cho gia đình vì gia đình anh M và vợ anh M yêu cầu phải có giấy, do nể và là chỗ anh em nên anh đã đồng ý viết là giấy vay tiền đề ngày 26/4/2016. Trên giấy vay tiền có ghi rõ “số tiền tôi vay theo thỏa thuận công việc đã được thống nhất”. Do năm 2017 thiên tai bão lũ gây thiệt hại, anh và anh M không có tiền để đầu tư thêm và sau 03 năm bến cảng hết hạn hoạt động nên anh đã lâm vào cảnh nợ nần và anh có bàn bạc với anh M là khoản tiền anh M đầu tư cùng anh sẽ trả cho anh M một nửa, anh M đã đồng ý. Nhưng sau đó anh M nói gia đình không đồng ý vì căn cứ vào giấy vay tiền nên đòi anh trả 100%. Giáp tết năm 2019 anh M có đưa người nhà xuống nhà anh, anh đã nói rõ nội dung này để người nhà anh M hiểu, anh rề anh M đã nhất trí nhưng anh M không nhất trí và nói đã viết giấy vay tiền thì phải trả và anh đòi theo giấy vay tiền. Anh chỉ nhất trí trả 50% khoản tiền mà anh M khởi kiện. Anh không nhất trí về yêu cầu tính lãi vì giấy vay tiền không có thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả, giấy này bản chất không phải là hợp đồng mà là tiền góp vốn để cùng nhau đầu tư làm ăn.

Tại các phiên hoà giải, anh Phạm L trình bày: Anh xác định số tiền anh M đưa cho anh 03 lần (Lần 01 là 10.000 USD; lần 2 là 500.000.000đồng; lần 3 là 500.000.000đồng) là tiền anh M góp vốn làm ăn với anh để đầu tư vào bến cảng tại khu Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Anh và anh M đã thỏa thuận: Nếu lợi nhuận thu được thì chia đôi mỗi người 50%, nếu thua lỗ thì khoản tiền đầu tư mỗi người chịu 50%. Việc thỏa thuận góp vốn làm ăn giữa anh và anh M là thỏa thuận bằng miệng, không có giấy tờ, tài liệu gì; việc làm ăn cũng do một mình anh đứng tên vì anh M là cán bộ nhà nước không thể tự đứng tên được. Việc viết “Giấy vay

tiền” ngày 26/4/2016 là anh M nhờ anh viết để mang về cho gia đình xem, do nê và là chỗ anh em nên anh đồng ý viết. Chữ ký và chữ viết trên “Giấy vay tiền” anh M nộp cho Toà án đúng là chữ ký và chữ viết của anh nhưng đó chỉ là bản photo, anh đề nghị Toà án tiến hành giám định chữ viết để xác định đó là bản photo hay bản gốc. Nay, anh M khởi kiện yêu cầu anh phải trả số tiền 1.217.250.000đồng (*Một tỷ, hai trăm mười bảy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*) và lãi suất, anh không nhất trí, anh xác định chỉ có trách nhiệm trả cho anh M 50% khoản tiền trên; bản chất việc anh M đưa tiền cho anh không phải là cho nhau vay mà là góp vốn làm ăn, trên Giấy vay tiền cũng không thoả thuận về lãi suất, thời hạn trả nợ nên không có cơ sở để tính lãi suất như yêu cầu của anh M nên anh không nhất trí.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm L có yêu cầu giám định chữ viết là bản chính hay bản phô tô đối với giấy vay tiền ngày 26/4/2016 do anh Phạm M giao nộp kèm theo đơn khởi kiện, Toà án đã ra Thông báo nộp tiền chi phí tố tụng để giám định chữ viết nhưng anh L không thực hiện.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Vì vậy, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu anh Phạm L có trách nhiệm thanh toán cho anh Phạm M số tiền gốc của 02 khoản tiền vay VND, mỗi khoản là 500.000.000đồng (*Năm trăm triệu đồng*), tổng cộng là 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) và tính lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 đối với khoản tiền này; và yêu cầu anh L thanh toán 10.000 USD Mỹ, giá USD theo tỷ giá tại ngày xét xử sơ thẩm là 23.100 đồng/USD = 230.100.000 đồng (căn cứ tỷ giá USD do Ngân hàng công bố).

Bị đơn nhất trí thanh toán các khoản tiền vay cho nguyên đơn theo đơn khởi kiện, gồm: Khoản vay 10.000 USD Mỹ theo tỷ giá USD lúc vay là 21.725đồng/USD = 217.250.000đồng (*Hai trăm mười bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*); Khoản vay lần 2 số tiền 500.000.000đồng (*Năm trăm triệu đồng*); khoản vay lần 3 số tiền 500.000.000đồng (*Năm trăm triệu đồng*). Tổng cộng là 1.217.250.000đồng (*Một tỷ, hai trăm mười bảy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Bị đơn không nhất trí về yêu cầu tính lãi suất.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn nhất trí với ý kiến của bị đơn về việc thanh toán toàn bộ số tiền gốc như trong đơn khởi kiện với tổng số tiền là 1.217.250.000đồng (*Một tỷ, hai trăm mười bảy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*); không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi suất và yêu cầu bị đơn phải chịu toàn bộ án phí của vụ án.

Bị đơn không nhất trí về án phí và đề nghị mỗi bên chịu 50% án phí của vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

- Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự về việc anh Phạm L có nghĩa vụ thanh toán cho anh Phạm M số tiền gốc 1.217.250.000đồng (*Một tỷ, hai trăm mười bảy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Anh Phạm L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017, tuy nhiên giao dịch dân sự giữa các bên được thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực mà có tranh chấp, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 (Điều khoản chuyển tiếp) thì pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Bộ luật dân sự năm 2005.

Ngày 26/4/2016 anh Phạm L viết giấy vay tiền của anh Phạm M với số tiền cụ thể: Lần 1: Vay 10.000 USD; Lần 2: Vay 500.000.000đồng; Lần 3: Vay 500.000.000đồng. Trong giấy vay tiền khanh thể hiện lãi suất. Thời hạn vay tiền do hai bên thoả thuận: Khi nào anh M cần thì anh L hoàn trả đầy đủ. Từ năm 2019 anh Mạnh đã đòi tiền anh Long nhưng khanh được nên anh M gửi đơn khởi kiện vụ án dân sự đến Tòa án. Như vậy quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Do đó tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Anh Phạm M khởi kiện yêu cầu anh Phạm L trả cho anh số tiền của 03 lần vay, cụ thể từng lần như sau:

- Lần 1: Vay 10.000 USD Mỹ, giá USD lúc vay là 21.725đồng/USD = 217.250.000đồng (*Hai trăm mười bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*);

- Lần 2: Vay 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng);

- Lần 3: Vay 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng);

Tổng cộng là 1.217.250.000đồng (Một tỷ, hai trăm mười bảy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng)

Tại phiên toà các đương sự đã tự nguyện thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, anh Phạm L nhất trí trả cho anh Phạm M số tiền như trong đơn khởi kiện, gồm có 02 khoản tiền VND vay là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và 10.000 USD theo tỷ giá USD lúc vay là $21.725 \text{ đồng/USD} = 217.250.000 \text{ đồng}$ (Hai trăm mười bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 1.217.250.000đồng (Một tỷ, hai trăm mười bảy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn nhất trí với ý kiến của bị đơn và không yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản tiền lãi suất, vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết về lãi suất.

Việc thoả thuận trên giữa các đương sự là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên HĐXX chấp nhận công nhận sự thoả thuận này.

Trường hợp anh Long chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu anh Phạm Văn L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; anh L không nhất trí và đề nghị mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ án phí của vụ án. HĐXX thấy: Căn cứ khoản 2 Điều 26 (Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; xét phần yêu cầu của nguyên đơn (anh Phạm M) được Tòa án chấp nhận nên bị đơn (anh Phạm L) phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Anh Phạm M không phải chịu án phí và hoàn trả lại cho anh Mạnh tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 471, 474, 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Anh Phạm L có nghĩa vụ thanh toán cho anh Phạm M số tiền gốc 1.217.250.000đồng (*Một tỷ, hai trăm mười bảy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh Phạm L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 48.517.500 đồng (*Bốn tám triệu năm trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng*);

Anh Phạm M không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho anh M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.258.800đồng (*Hai mươi bốn triệu hai trăm năm tám nghìn tám trăm đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000825 ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Bản án; Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố TQuang (2 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hương Giang